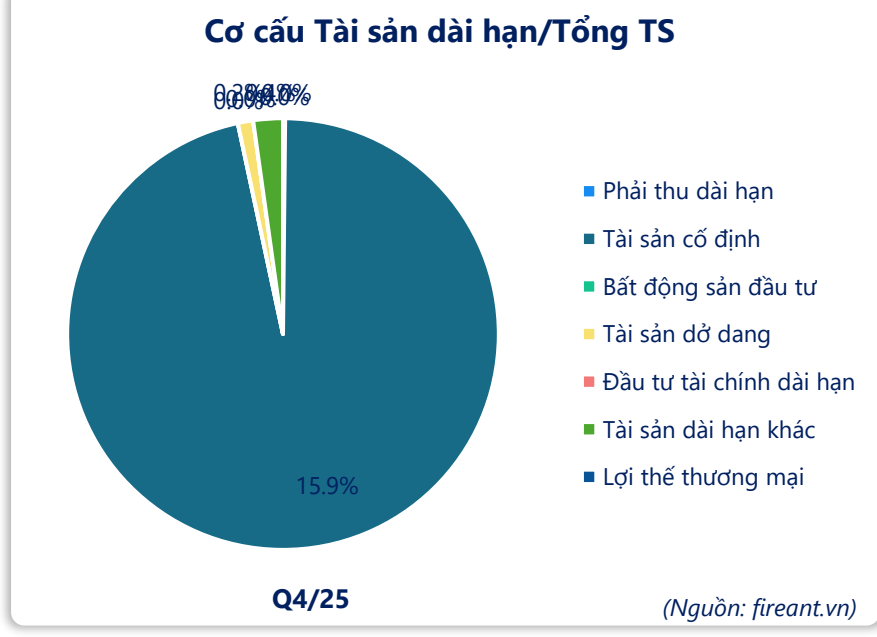
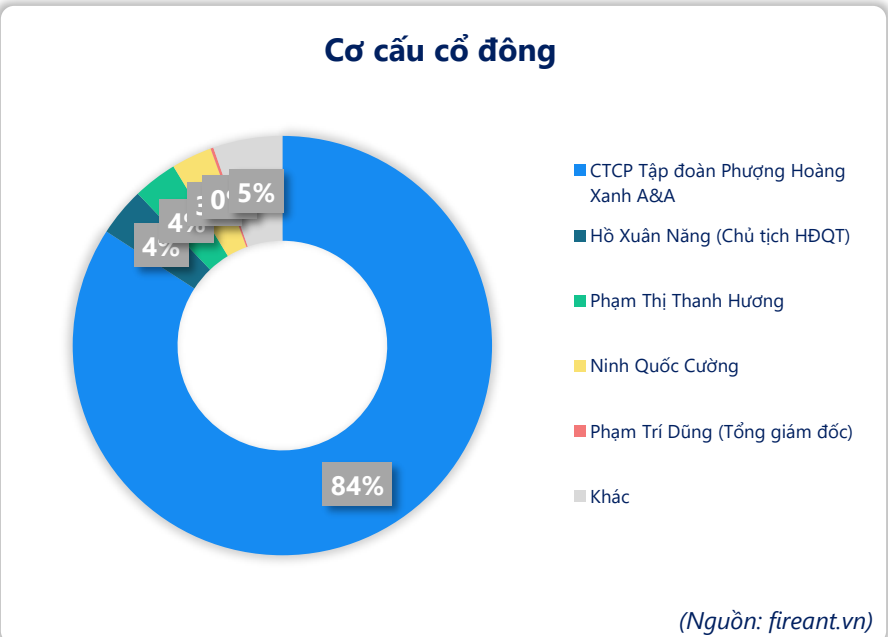
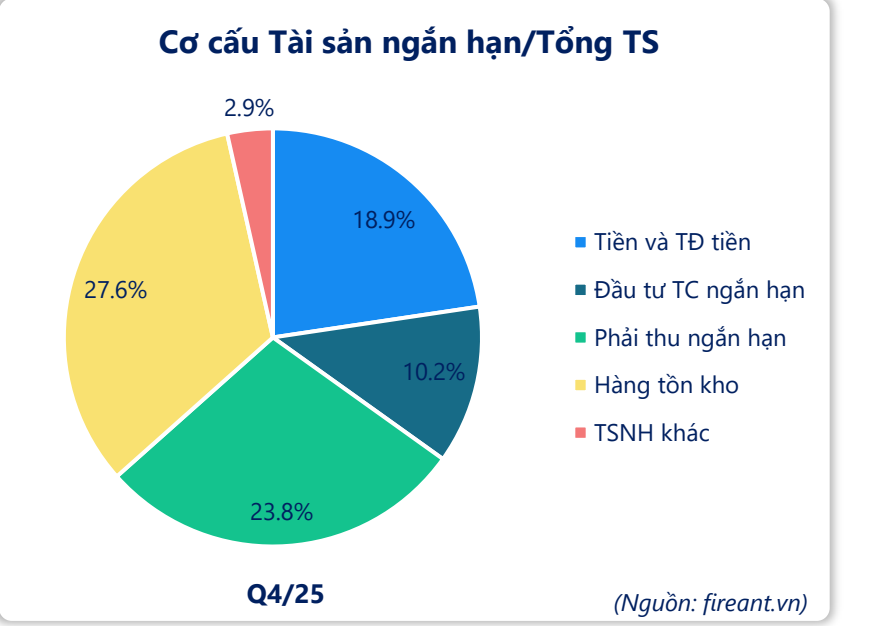
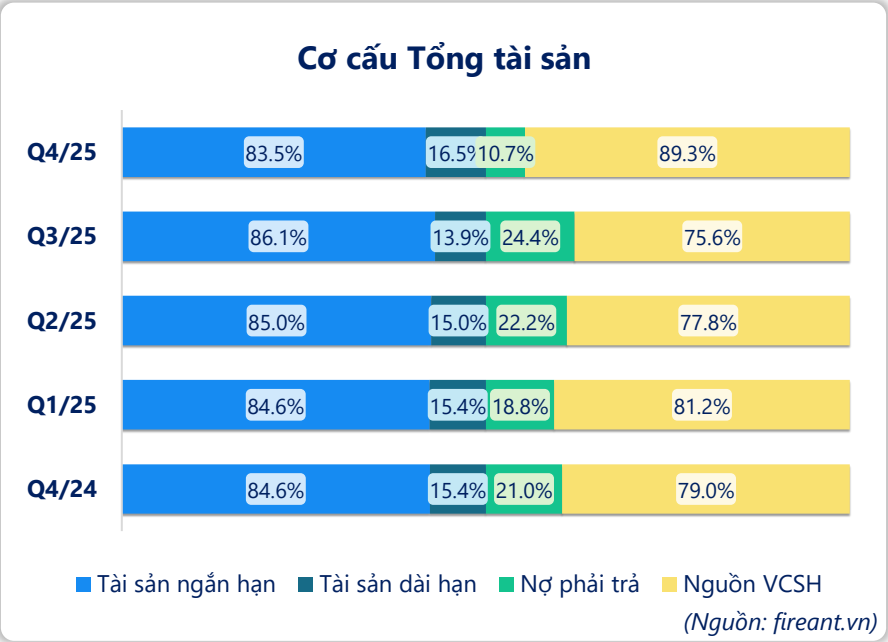
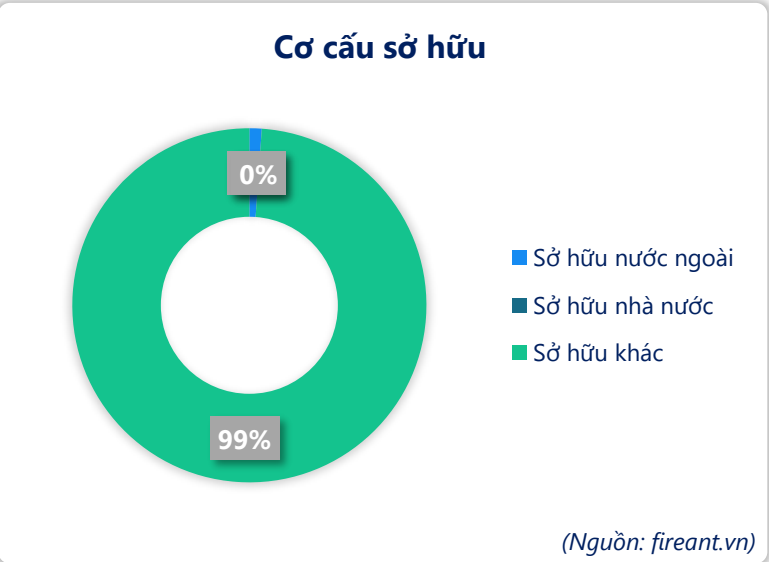
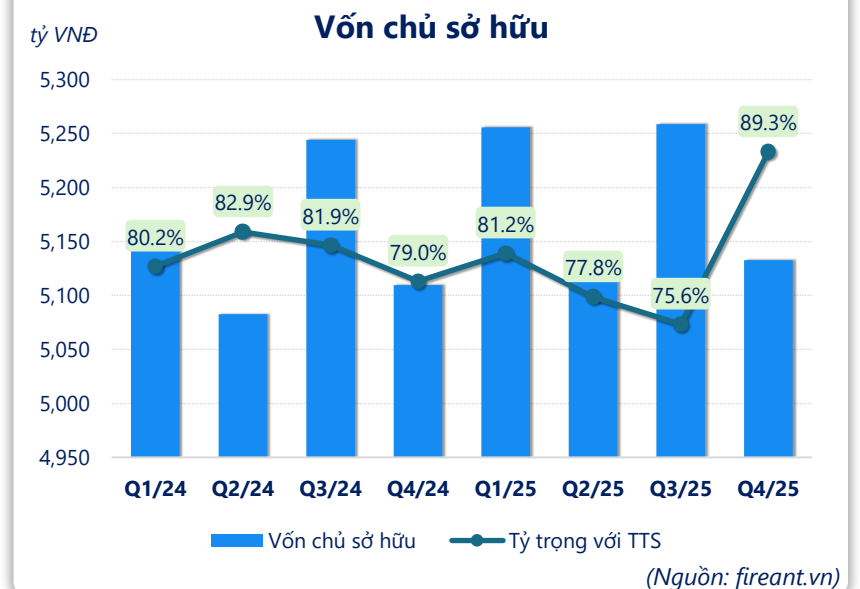
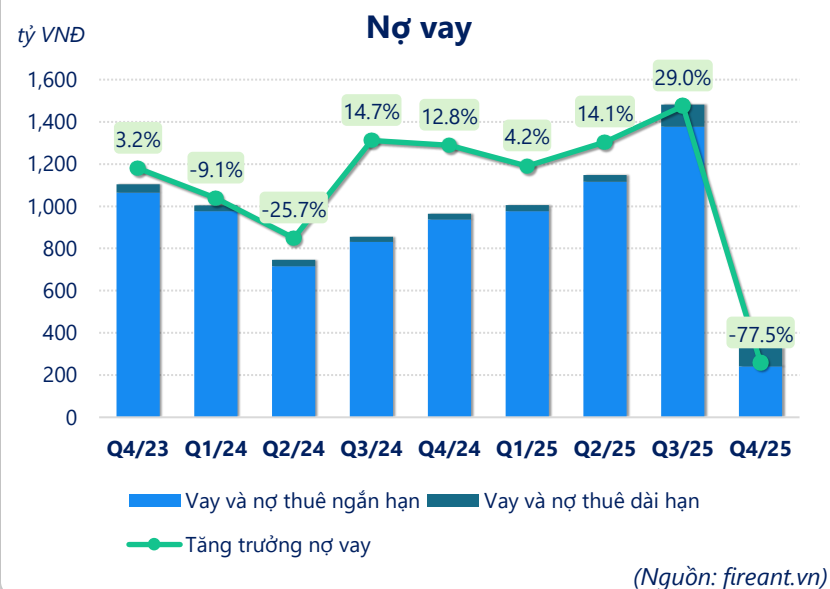
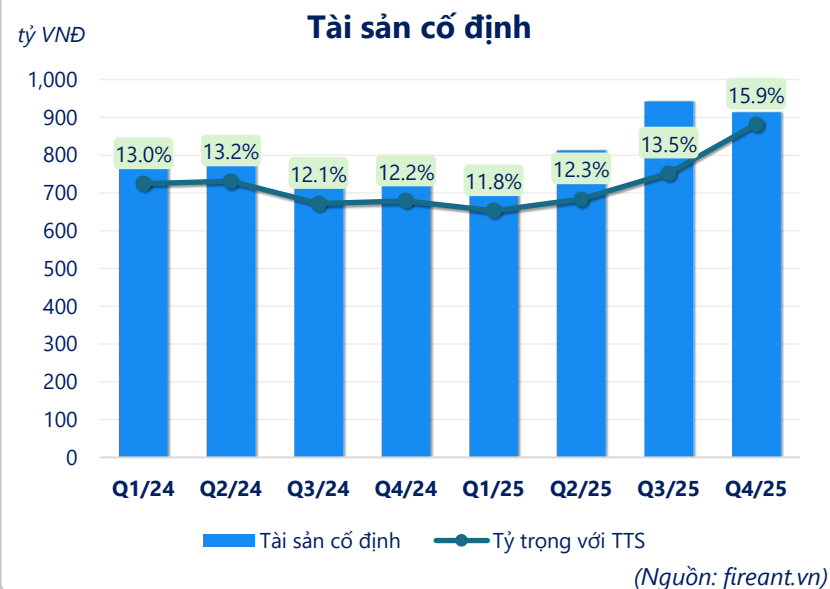
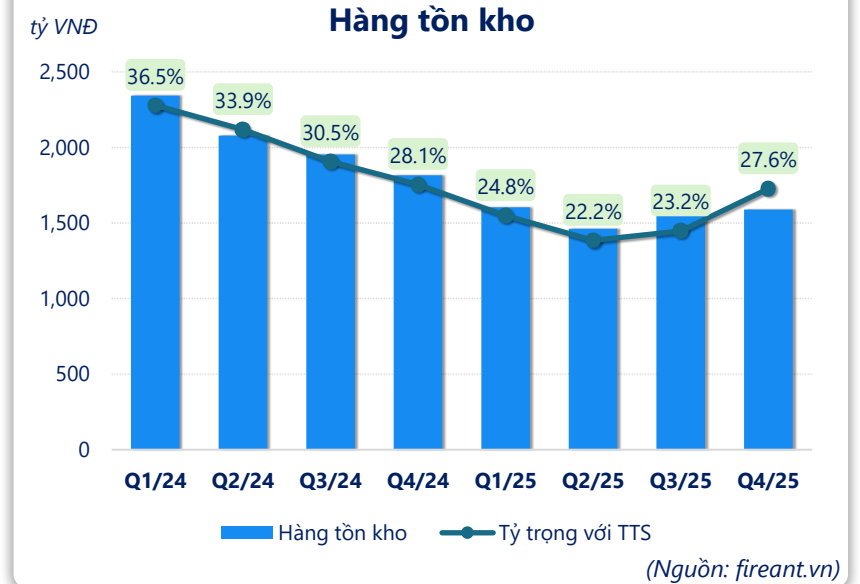
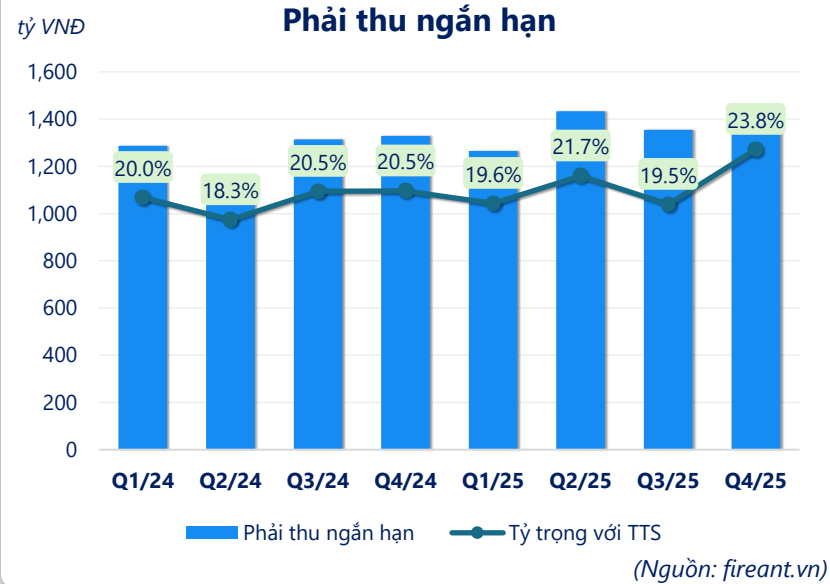
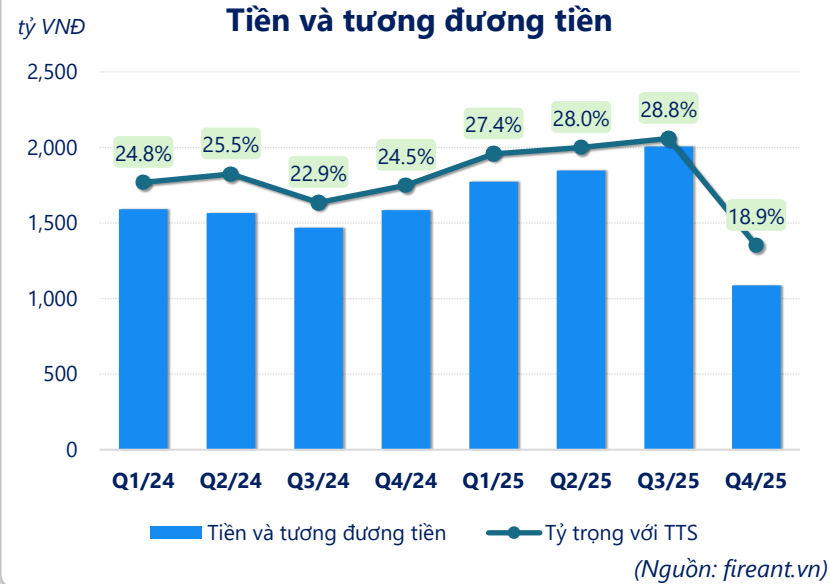
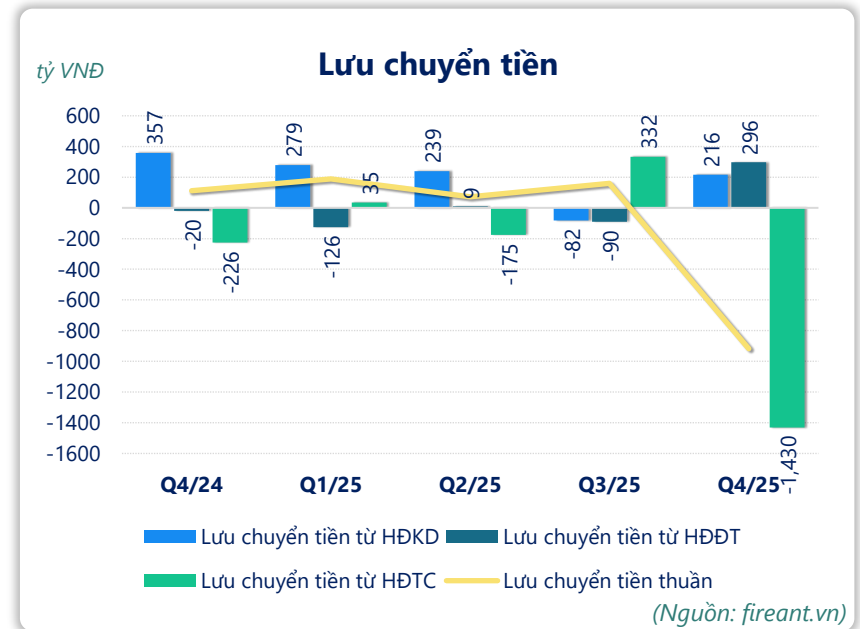
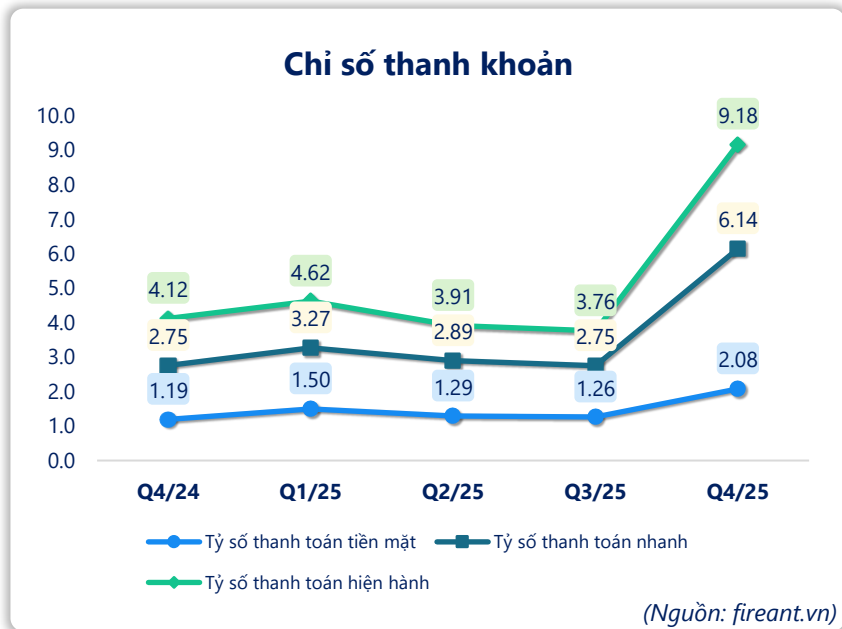
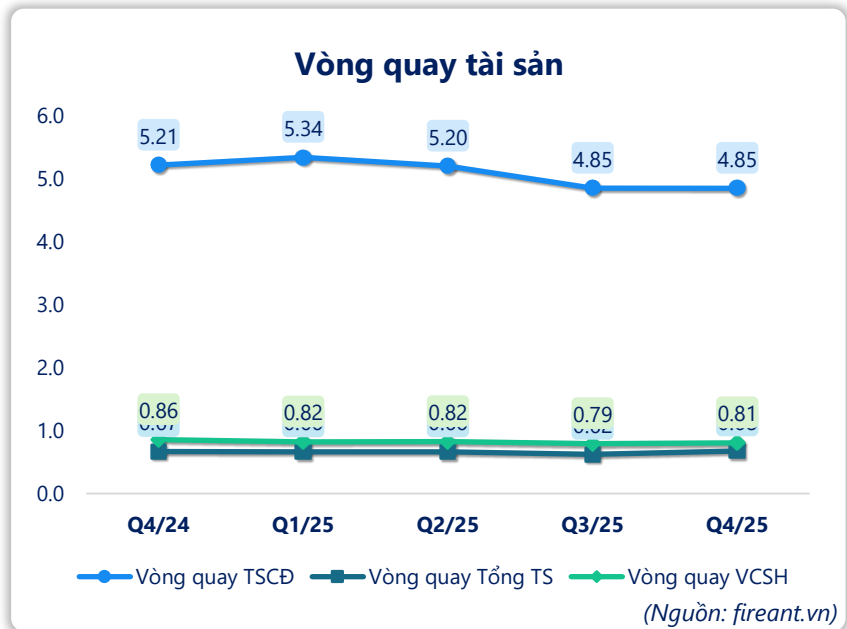
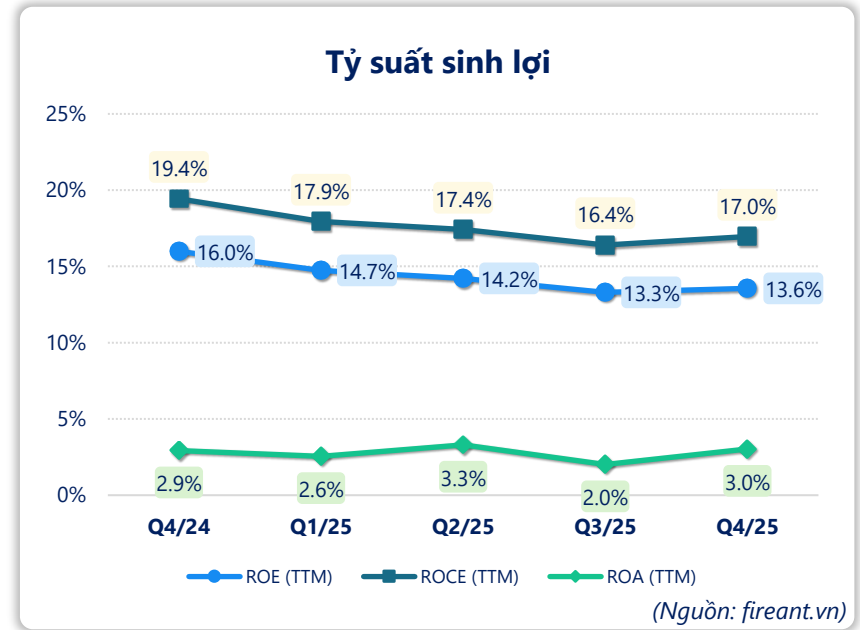
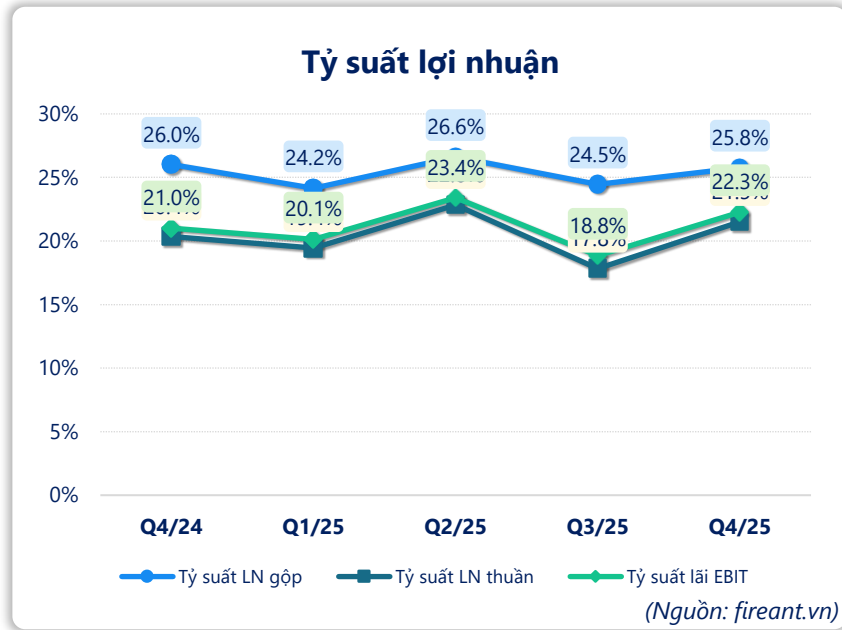
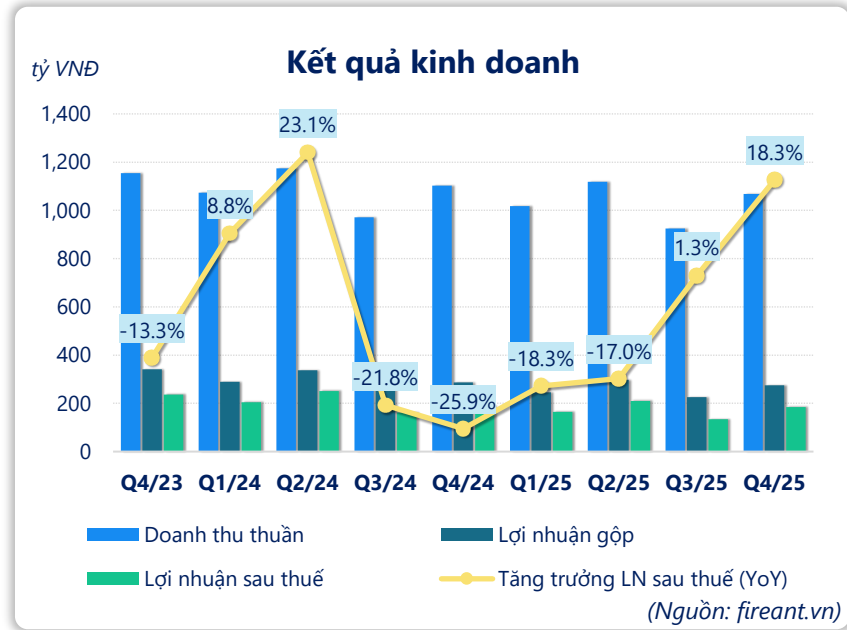


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		42,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		58,610
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		36,920
SL cổ phiếu LH		160,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		73,925
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,848
P/E		9.9
EPS		4,340

	YTD	1T	3T	6T
VCS	-26.9%	-7.6%	-8.2%	-9.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,750	6,467	-11.1%
Tài sản ngắn hạn	4,804	5,473	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	1,088	1,583	-31.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	588	670	-12.2%
Phải thu ngắn hạn	1,371	1,329	3.2%
Hàng tồn kho	1,588	1,816	-12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	169	75.1	125%
Tài sản dài hạn	946	994	-4.7%
Phải thu dài hạn	1.51	0.84	80.4%
Tài sản cố định	913	790	15.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.8	184	-94.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	20.9	18.2	15.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	618	1,357	-54.5%
Nợ ngắn hạn	524	1,327	-60.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	242	935	-74.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	179	183	-2.1%
Nợ dài hạn	94.2	30.7	207%
Vay và nợ thuê dài hạn	91.9	28.8	220%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,133	5,110	0.5%
Vốn chủ sở hữu	5,133	5,110	0.5%
Vốn điều lệ	1,600	1,600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,102	1,018	1,118	925	1,067
Giá vốn hàng bán	816	772	821	699	792
Lợi nhuận gộp	287	246	298	226	275
Doanh thu HĐTC	24.8	23.4	50.3	29.5	38.5
Chi phí TC	16.3	13.7	14.3	17.5	15.1
Chi phí lãi vay	8.81	8.66	10.2	13.4	14.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	51.2	43.6	60.7	53.9	54.6
Chi phí QLDN	19.6	14.0	17.6	19.4	14.4
LN thuần từ HĐKD	224	198	255	165	230
Lợi nhuận khác	-1.73	-1.77	-3.88	-3.93	-5.85
LN trước thuế	223	196	252	161	224
Lợi nhuận sau thuế	189	165	210	135	185
LNST của CĐ cty mẹ	189	165	210	135	185

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	357	279	239	-81.5	216
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.4	-126	8.81	-90.5	296
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-226	35.2	-175	332	-1,430
Tiền đầu kỳ	1,467	1,583	1,773	1,847	2,006
Lưu chuyển tiền thuần	111	189	73.0	160	-918
Ảnh hưởng tỷ giá	6.20	1.16	0.82	-0.29	-1.29
Tiền cuối kỳ	1,585	1,773	1,847	2,006	1,088

(Nguồn: fireant.vn)